

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới
nâng cao tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh
tại Tờ trình số 247/SNN-TTr ngày 31/5/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/6/ 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, giám sát, đánh giá, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo qui định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Lưu VT, các VP; TTTH.

Bh_VP3_QĐ50

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Song Tùng

BỘ TIÊU CHÍ

Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày /6 /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Quốc gia và Bộ tiêu chí của tỉnh Ninh Bình về xã nông thôn mới tại thời điểm công nhận;
- Không có nợ đọng xây dựng cơ bản;
- Có đăng ký và được UBND tỉnh phê duyệt;
- Có 100% tiêu chí nâng cao (qui định dưới đây) đạt chuẩn theo qui định.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn
1	Quy hoạch	1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của Luật Xây dựng phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn	Đạt
		1.2. Có kế hoạch thực hiện quy hoạch, trong đó xác định thời gian và nguồn lực dự kiến thực hiện quy hoạch đối với từng khu vực cụ thể trên cơ sở phù hợp với mục tiêu quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt
		1.3. Có các quy hoạch chi tiết xây dựng (các điểm dân cư nông thôn, khu trung tâm xã, khu chức năng) được phê duyệt đáp ứng tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm; có hệ thống chiếu sáng, cây xanh, cây hoa phù hợp; có hệ thống biển báo hiệu giao thông (biển cấm, biển cảnh báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc) tại các nút giao nguy hiểm	≥70%
		2.2. Tỷ lệ đường trục thôn, liên thôn có hệ thống chiếu sáng, cây xanh, cây hoa phù hợp; có hệ thống biển báo hiệu giao thông (biển cấm, biển cảnh báo, biển chỉ dẫn) tại các nút giao nguy hiểm	≥60%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm có hệ thống chiếu sáng, cây xanh, cây hoa phù hợp	≥70%
		2.4. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥70%
		2.5. Về quản lý hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn: không để xảy ra tình trạng đầu nổi trái phép, vi phạm lấn chiếm đường bộ, hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng đến an toàn giao thông	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt

		3.3. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng hư hỏng, xuống cấp được sửa chữa, nâng cấp kịp thời	100%
		3.4. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt
		3.5. Đảm bảo chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư - phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ)	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	100%
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học (tiểu học & trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	100%
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Mức độ 3
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền; các nhà trường có đủ sân chơi, bãi tập theo quy định, thành lập câu lạc bộ thể dục thể thao và hoạt động thường xuyên	Đạt
6	Văn hóa	6.1. Thiết chế văn hóa - thể thao xã, thôn đạt chuẩn theo quy định. Tổ chức và duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được giữ gìn, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt
		6.3. Tỷ lệ khu dân cư được công nhận danh hiệu làng, thôn, xóm văn hóa hàng năm	≥80%
7	Dịch vụ, Thương mại	Xã có chợ trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc có siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng smartphone trong tổng số thuê bao điện thoại	≥50%
		8.3. Có trang thông tin điện tử hoạt động hiệu quả, thường xuyên cập nhật tin, bài	Đạt
		8.4. Đảng ủy xã, Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã có 100% máy tính được kết nối internet băng thông rộng (<i>trừ máy tính dùng soạn thảo văn bản mật</i>); hệ số máy tính/tổng số cán bộ công chức của xã đạt từ 0,8 trở lên; xã sử dụng 3 phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý điều hành gồm hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước, hệ thống một cửa điện tử	Đạt

9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn	95%
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người chính thức năm 2020 \geq 51 triệu đồng, ước năm 2021 \geq 56,1 triệu đồng	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ các trường hợp thuộc diện BTXH theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).	\leq 1%
12	Lao động	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	\geq 50%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết sản xuất ổn định từ 01 năm trở lên	\geq 1
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng hoặc sản phẩm đặc trưng của địa phương đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và các điều kiện về bảo vệ môi trường; có tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	Đạt
		13.3. Có mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình áp dụng cơ giới hóa các khâu chủ yếu trong sản xuất gắn với sản xuất an toàn thực phẩm	\geq 1
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	\geq 90%
		14.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	\leq 13,8%
		14.3. Tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi sức khỏe	\geq 85%
15	Hành chính công	15.1. Xã có giải quyết thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công của tỉnh	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt
		15.4. Trong 03 năm liên tục trước năm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Hàng năm, Đảng bộ xã được xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; ít nhất 01 năm “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” hoặc tương đương.	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Đảng tải kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung liên quan đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước) trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã.	Đạt
		16.2. Kịp thời phổ biến các văn bản, chính sách mới ban hành cho đội ngũ cán bộ cấp xã; Ủy ban nhân dân xã tổ chức tuyên truyền pháp luật cho người dân ít nhất 2 lần/năm.	Đạt
		16.3. Kịp thời hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp khi có yêu cầu; tỷ lệ hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp thuộc phạm vi hòa giải thành	\geq 90%
17	Môi trường	17.1. Làng nghề, khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt

		17.2. Chất thải rắn trên địa bàn được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định	≥90%
		17.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥50%
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%
		17.5. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	≥95%
		17.6. Tỷ lệ phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%
		17.7. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%
		17.8. Có nghĩa trang tập trung được đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch được phê duyệt	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn	≥65%
		18.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung (nếu có) có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥45%
		18.3. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	100%
		18.4. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường	100%
		18.5. Có ít nhất 02 thôn (xóm) đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Kiện toàn đủ 04 chức danh Ban chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân tự vệ theo quy định; nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (<i>giao thông, cháy, nổ</i>) nghiêm trọng trở lên; có các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả được khen thưởng từ cấp huyện trở lên; xã có từ 85% trở lên khu dân cư trên địa bàn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo quy định; lực lượng công an xã đạt danh hiệu tiên tiến trở lên (<i>tính từ năm liền kề thời điểm xét công nhận đạt chuẩn</i>) và lực lượng đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở (trưởng thôn, phó thôn) hoàn thành tốt nhiệm vụ; lực lượng công an xã và an ninh trật tự ở cơ sở không có vi phạm kỷ luật bị xử lý.	Đạt